

Bản án số: 46/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 31 – 7 - 2020

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thọ

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Châu Văn Bằng
2. Bà Trần Thị Thùy Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Mộng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh – kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2020/TLST-HNGĐ ngày 26/5/2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự.

1. Nguyên đơn: Chị Hàng Kim B (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang

2. Bị đơn: Anh Lương Văn Tr (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn ngày 26/5/2020, các văn bản tố tụng và tại tòa, nguyên đơn chị Hàng Kim B trình bày:

Chị và anh Lương Văn Tr được sự chấp thuận của gia đình đã tự nguyện chung sống với nhau. Sau đó có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu anh chị chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2015 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh. Nguyên nhân do anh Tr thường xuyên uống rượu say, từ đó không những không quan tâm chăm sóc mẹ con chị mà còn xúc phạm danh dự nhân phẩm và hành hung chị. Chị khuyên can anh nhiều nhưng anh không sửa đổi. năm 2017 chị đem con về nhà cha mẹ ruột chị sống. Anh chị chính thức ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay.

Về con chung gồm có: Cháu Lương Thị Th, sinh ngày 23/10/2005 và cháu Lương Văn T sinh ngày 26/09/2015. Khi ly thân, chị đem cả hai con về gia đình bên chị sống nhưng được thời gian ngắn thì anh Tr đến đem cháu T về nuôi. Hiện nay chị đang nuôi cháu Th, anh Tr đang nuôi cháu T.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng hàn gắn nên chị B yêu cầu xin ly hôn với anh Tr.

Về con chung: Chị B yêu cầu nuôi cháu Th còn cháu T đồng ý để cho anh Tr nuôi dưỡng. Chị không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Lương Văn Tr đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa nhưng đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán – Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành còn bị đơn chưa chấp hành tốt quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Tr vắng mặt dù đã được Tòa án thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh Tr thấy rằng chị B và anh Tr tự nguyện chung sống với nhau. Sau đó có đi đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy

ban nhân dân xã Đ vào năm 2009. Tại thời điểm đăng ký kết hôn anh, chị có đủ điều kiện kết hôn, việc kết hôn là tự nguyện và được thực hiện tại cơ quan có thẩm nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống với nhau giữa anh, chị đã phát sinh mâu thuẫn. Theo chị B thì nguyên nhân mâu thuẫn do anh Tr thường xuyên uống rượu say, không quan tâm, chăm sóc gia đình, có lời lẽ xúc phạm và đánh đập, hành hung chị. Chị khuyên can nhiều lần nhưng anh không sửa đổi. Anh, chị đã ly thân nhau từ năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa, anh Tr được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng dù có mặt tại địa phương anh Tr vẫn không đến Tòa để biết ý kiến, nguyện vọng, không tham gia hòa giải hàn gắn đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ anh Tr không quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân và cũng không có thiện chí muốn hàn gắn được đoàn tụ. Từ đó xác định mâu thuẫn giữa chị B và anh Tr đã trầm trọng, thời gian ly thân đã khá dài, nếu kéo dài thêm thời gian thì mối quan hệ hôn nhân cũng không thể nào hàn gắn lại được nên yêu cầu xin được ly hôn của chị B là có cơ sở để chấp nhận.

[2.2]. Về yêu cầu nuôi con chung: Anh, chị có 02 con chung gồm cháu Lương Thị Th, sinh ngày 23/10/2005 và cháu Lương Văn T sinh ngày 26/09/2015. Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi ly thân đến nay cháu Thdo chị B nuôi dưỡng. Bản thân cháu cũng có ý kiến, nguyện vọng được ở với chị B. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống, ổn định về môi trường sống nhằm tránh thay đổi, xáo trộn về mặt tâm lý đồng thời tôn trọng ý kiến, nguyện vọng của cháu Th, cần chấp nhận giao cho chị B tiếp tục nuôi cháu Th. Đối với cháu T hiện do anh Tr nuôi dưỡng. Chị B đồng ý để anh Tr tiếp tục nuôi cháu T nên cần ghi nhận sự tự nguyện của chị B giao cháu T cho anh Tr nuôi dưỡng. Anh Tr, chị B chưa ai phải cấp dưỡng nuôi con do chưa có ai yêu cầu. dành quyền. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho anh Tr, chị B không ai có quyền cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Khai không có, không yêu cầu nên không đề cập xem xét.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hàng Kim B và anh Lương Văn Tr.
2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Hàng Kim B được nuôi dưỡng cháu Lương Thị Th sinh ngày 23/10/2005 và giao cho anh Lương Văn Tr được nuôi dưỡng cháu Lương Văn T, sinh ngày 26/9/2015 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị B, anh Tr chưa ai phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho chị B, anh Tr không ai có quyền cản trở.
3. Về tài sản chung; nợ chung: Khai không có, không yêu cầu nên không xem xét.
4. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Hàng Kim B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0003988 ngày 26/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị B đã nộp đủ án phí.
5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân T. Hậu Giang
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục thi hành án huyện Châu Thành;
- Cơ quan nơi thực hiện đăng ký kết hôn;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN
(đã ký)

LÊ THỊ THỌ